

# MÉT

(2 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.
- Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài bằng thước mét.
- So sánh độ dài của gang tay với 1 m.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến các đơn vị đo độ dài. Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị mét và đề-xi-mét, mét và xăng-ti-mét để chuyển đổi đơn vị đo.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** yêu nước.

## B. Thiết bị dạy học

GV: thước mét.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

**Trò chơi: ĐÓ BẠN**

**GV:** Đọc số đo với đơn vị đo đề-xi-mét.      **HS:** Đổi sang xăng-ti-mét (bằng con).

Hoặc ngược lại.

**HS** tiếp tục chơi.

(HS thay nhau đổ cả lớp hoặc chơi theo nhóm đôi – hai em đổ nhau).

## BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

### 1. Nhu cầu xuất hiện đơn vị đo

GV chỉ ra vài vật cần đo. Ví dụ: cục gôm, hộp bút, bàn học, chiều dài lớp học, chiều dài bảng lớp, ...

– Yêu cầu: HS chọn đơn vị đo cho phù hợp.

Ví dụ:

- Đo cục gôm, hộp bút với đơn vị đo xăng-ti-mét.
- Đo bàn học với đơn vị đo đề-xi-mét.
- Đo chiều dài lớp học khó hơn, nếu dùng đơn vị đo xăng-ti-mét hay đề-xi-mét thì khi đo sẽ rất mất công, nếu dùng đơn vị đo là bước chân thì không thể biết được số đo chính xác vì bước chân của từng người khác nhau.
- Đo chiều dài bảng cũng vậy, nếu đo bằng sải tay thì không thể biết được số đo chính xác vì sải tay của từng người khác nhau.

...

– GV nêu nhu cầu xuất hiện đơn vị đo mới: Muốn đo được độ dài các đồ vật này phải sử dụng một đơn vị đo mới lớn hơn xăng-ti-mét và đề-xi-mét để thuận tiện khi đo.

### 2. Giới thiệu đơn vị mét

– **Tên gọi: Đơn vị đo mới đó chính là mét.**

**Mét** là một đơn vị đo độ dài (cả thế giới đều dùng). HS đọc: mét (nhiều lần).

– **Kí hiệu:** viết tắt là m, đọc là mét.

– Độ lớn

- GV yêu cầu HS đặt hai tay vào hai đầu thước mét **cảm nhận** về độ lớn của mét.

GV giới thiệu độ lớn của mét:  $1\text{ m} = 10\text{ dm}$ ,  $10\text{ dm} = 1\text{ m}$ ;  $1\text{ m} = 100\text{ cm}$ ,  $100\text{ cm} = 1\text{ m}$ .

**Giới thiệu cách đo độ dài bằng thước mét**

– **Cắm** thước: Các số ở phía trên, số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

– **Đặt** thước: **Vạch 0** của thước trùng với một đầu của cạnh bàn. Mép thước sát mép bàn. (Luôn kiểm tra xem có đặt đúng thước theo hai yêu cầu trên không.)

– **Đọc** số đo: Đầu còn lại của bàn trùng vạch số nào trên thước thì đọc số đo theo vạch đó (xăng-ti-mét hoặc đề-xi-mét, tùy theo vạch chia trên thước).

– **Viết** số đo.

### 3. Thực hành

**Bài 1: Tập viết số đo theo mét**

GV viết số đo lên bảng – HS nhận xét cách viết.

Ví dụ:  $1\text{ m}$  → viết số “1” cách một con chữ o viết chữ “m”.

→ HS viết trên bảng con  $1\text{ m}$  → đọc: một mét.

GV đọc – HS viết trên bảng con.

Ví dụ:  $2\text{ m}$ ;  $5\text{ m}$ ;  $10\text{ m}$ ;  $33\text{ m}$ ;  $127\text{ m}$ ; ...

## Bài 2: Quan hệ giữa mét, đề-xi-mét và xăng-ti-mét

HS (nhóm bốn) **thảo luận, nhận biết** quan hệ giữa mét với đề-xi-mét và xăng-ti-mét.

– GV gợi ý cho HS nhìn trên thước có vạch chia đề-xi-mét để xác định 1 m dài bao nhiêu đề-xi-mét, bao nhiêu xăng-ti-mét.

– HS **đếm**.

– HS **trình bày**, có thể thao tác trực tiếp trên thước mét.

– Sau khi sửa bài, GV cho HS mở SGK trang 60, cùng đếm theo hình vẽ.

1, 2, 3, ..., 10 đề-xi-mét  $\rightarrow 1 \text{ m} = 10 \text{ dm}$  hay  $10 \text{ dm} = 1 \text{ m}$ .

10, 20, 30, ..., 100 xăng-ti-mét  $\rightarrow 1 \text{ m} = 100 \text{ cm}$  hay  $100 \text{ cm} = 1 \text{ m}$ .

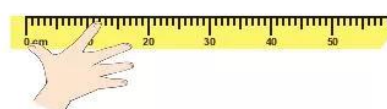
## Bài 3: Nhận biết độ lớn của 1 m

HS (nhóm bốn) **thảo luận, nhận biết**: độ lớn của 1 m.

a) Mấy gang tay của em thì được 1 m?

HS **đo**.

GV lưu ý HS đặt tay đo bắt đầu từ **vạch 0** của thước và đo tới vạch 10 (vừa đo vừa đếm).



Sau đó, GV yêu cầu HS đặt hai tay vào hai đầu thước mét (như hình vẽ trong SGK) để **cảm nhận** về độ lớn của mét.

HS có thể dùng các từ: dài hơn, ngắn hơn, dài bằng để diễn tả/so sánh sải tay với 1 m.

Ví dụ: Sải tay em dài bằng 1 m.

b) So sánh **chiều cao** của em với **1 m**.

HS (nhóm bốn) **thực hiện đo**.

Sử dụng các từ: cao hơn, thấp hơn, cao bằng để diễn tả.

Ví dụ: Em cao hơn 1 m.



c) So sánh **chiều dài** bàn HS và bàn GV với **1 m**.

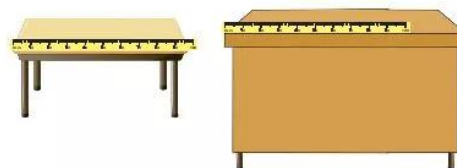
Lưu ý HS:

– Đặt thước: **Vạch 0** của thước trùng với một đầu của cạnh bàn. Mép thước sát mép bàn.

– **Cầm** thước: Các số ở phía trên, số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

Sử dụng các từ: dài hơn, ngắn hơn, dài bằng để diễn tả.

Ví dụ: Chiều dài bàn học sinh ngắn hơn 1 m.



## Bài 4: Ước lượng, đo độ dài theo đơn vị mét

a) Chiều dài bảng lớp

– HS tập ước lượng chiều dài bảng lớp bằng mắt để có kết luận:

+ Chiều dài khoảng .?. m.





– Sau khi ước lượng và ghi lại kết quả, HS sẽ dùng thước để kiểm tra tính chính xác khi ước lượng bằng mắt. Nếu kết quả sai lệch nhiều quá thì cần cảm nhận lại độ lớn 1 m qua hình ảnh chiều dài của thước mét để hướng dẫn ước lượng lại.

– GV lưu ý HS:

+ Kết quả ước lượng thường dùng từ “khoảng” (vì không có số đo chính xác).

+ Khi kiểm tra lại cần chú ý cách đặt thước.

b) Chiều dài và chiều rộng phòng học

– HS ước lượng chiều dài, chiều rộng lớp học bằng mắt để có kết luận:

+ Chiều dài khoảng .?. m.

+ Chiều rộng khoảng .?. m.

– Sau khi ước lượng, HS sẽ dùng thước để biết chính xác.

+ Chiều dài .?. m.

+ Chiều rộng .?. m.

c) Chiều cao cửa ra vào lớp học.



## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

– Phân tích mẫu:

GV cho HS **thảo luận** nhóm đôi, **tìm hiểu** mẫu:

\* Có mấy việc phải làm?

\* Đó là những việc gì?

HS **trình bày** những việc phải làm:

1. Xác định đoạn đường mèo đã nhảy được.

2. Xác định đoạn đường còn thiếu để được 1 m.

3. Đọc câu trả lời.

GV chốt: Các em nhìn hình, xác định các số đo rồi đọc câu trả lời cho nhau nghe.

– HS **thực hiện**.

– Sửa bài: GV **khuyến khích** HS **nói** cách làm (ví dụ: Tìm đoạn đường còn thiếu bằng cách đếm trên thước hoặc trừ nhẩm, ...).

### Bài 2:

– GV giúp HS **xác định** độ lớn 1 cm hay 1 m.

– HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, nhận biết:

Cục tẩy, bút chì: có thể ước lượng bằng ngón tay, gang tay.

Cửa sổ, sợi dây, hành lang: phải ước lượng bằng bước chân, sải tay.

- HS **thực hiện**.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.  
Ví dụ: Cục tẩy dài 4 cm, không thể dài 4 m.

### CỦNG CỐ

GV viết số đo với đơn vị đo mét – HS đọc (hoặc ngược lại).

GV có thể viết số đo với đơn vị đo mét lên bảng lớp, yêu cầu HS chuyển đổi đơn vị đo sang đề-xi-mét, xăng-ti-mét (bảng con), ...

### Hoạt động thực tế

Cắt một đoạn dây dài 1 m rồi dùng sợi dây đó đo chiều dài, chiều rộng một số đồ dùng như bàn, giường, ...